TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 271/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 5, ngày 14 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 234/2020/HNST ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Phước L, sinh năm 1978;

Thường trú: Số 51 Phạm Văn K, Khóm B, Phường 2, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Số 27 PH, Phường A, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trì Huệ L, sinh năm 1982;

Thường trú: Số 27 PH, Phường A, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông Trần Phước L và bà Trì Huệ L đoàn tụ nhưng không thành vào ngày 04/9/2020. Ông L và bà L đã thật sự tự nguyện ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về con chung: Ông Trần Phước L và bà Trì Huệ L không có con chung.

[3] Về tài sản chung Ông Trần Phước L và bà Trì Huệ L cùng khai trong quá trình chung sống hai bên không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Trần Phước L và bà Trì Huệ L cùng khai hai bên không có thiếu nợ chung hay phải thực hiện nghĩa vụ dân sự chung với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Phước L và bà Trì Huệ L thỏa thuận mỗi người chịu 50% lệ phí Tòa án về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phước L và bà Trì Huệ L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Phước L và bà Trì Huệ L không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông Trần Phước L và bà Trì Huệ L cùng khai trong quá trình chung sống hai bên không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và việc thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Ông Trần Phước L và bà Trì Huệ L cùng khai hai bên không có thiếu nợ chung hay phải thực hiện nghĩa vụ dân sự chung với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do ông Trần Phước L và bà Trì Huệ L mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng ông L và bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0036044 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L và bà L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- UBND Quận 13, Quân 5 (GCNKH số 67/2014, Quyển số 01/2014 ngày 28/10/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Kim Liên